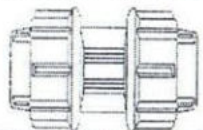
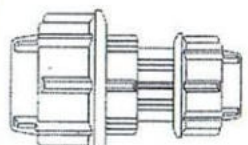
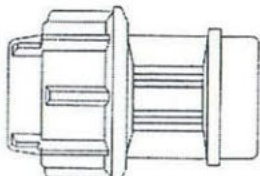


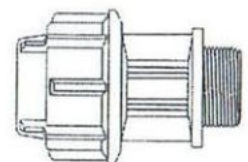
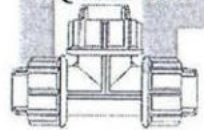
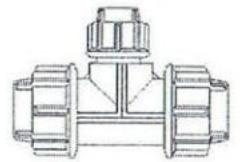


Số : 10/BG/ĐH -22

Ngày 01 tháng 02 năm 2022

**PHỤ KIỆN HDPE - CLWATERWARE Xuất xứ MALAYSIA**

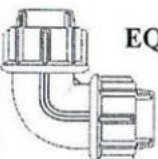
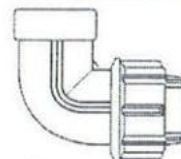
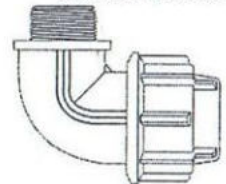
STT	Tên sản phẩm	TT Hạng mục	Qui cách (mm)	Giá bán chứa VAT (VNĐ/cái)	Giá có thuế VAT (VNĐ/cái)
01	<b>Nối Thẳng</b> STRAIGHT COUPLER 	1.1	Ø20 x 20	14,900	16,092
		1.2	Ø25 x 25	19,400	20,952
		1.3	Ø32 x 32	25,400	27,432
		1.4	Ø50 x 50	70,100	75,708
		1.5	Ø63 x 63	104,600	112,968
		1.6	Ø90 x 90	265,000	286,200
02	<b>Nối giảm</b> REDUCING COUPLER 	2.1	Ø25 x 20	16,400	17,712
		2.2	Ø32 x 20	22,400	24,192
		2.3	Ø32 x 25	23,800	25,704
		2.4	Ø50 x 25	53,500	57,780
		2.5	Ø50 x 32	57,100	61,668
		2.6	Ø63 x 32	82,000	88,560
		2.7	Ø63 x 50	98,700	106,596
		2.8	Ø90 x 63	242,400	261,792
03	<b>Nối răng trong</b> FEMALE THREADED ADAPTOR 	3.1	Ø20 x 1/2"	10,500	11,340
		3.2	Ø20 x 3/4"	10,500	11,340
		3.3	Ø25 x 1/2"	11,900	12,852
		3.4	Ø25 x 3/4"	11,900	12,852
		3.5	Ø25 x 1"	11,900	12,852
		3.6	Ø32 x 3/4"	17,900	19,332
		3.7	Ø32 x 1"	17,900	19,332
		3.8	Ø50 x 1 1/2"	58,300	62,964
		3.9	Ø63 x 2"	88,000	95,040
		3.10	Ø90 x 3"	204,400	220,752

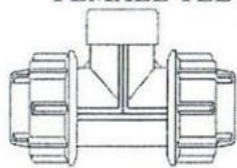
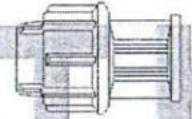
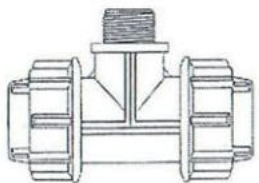
ST T	Tên sản phẩm	TT Hạng mục	Qui cách (mm)	Giá bán chứa VAT (VNĐ/cái)	Giá có thuế VAT (VNĐ/cái)
04	<b>Nối răng ngoài</b> MALE THREADED ADAPTOR 	4.1	Ø20 x 1/2"	9,000	9,720
		4.2	Ø20 x 3/4"	9,000	9,720
		4.3	Ø25 x 1/2"	10,500	11,340
		4.4	Ø25 x 3/4"	10,500	11,340
		4.5	Ø25 x 1"	10,500	11,340
		4.6	Ø32 x 3/4"	14,900	16,092
		4.7	Ø32 x 1"	14,900	16,092
		4.8	Ø50 x 1"	44,600	48,168
		4.9	Ø50 x 1 1/2"	44,600	48,168
		4.10	Ø63 x 2"	59,400	64,152
		4.11	Ø90 x 3"	183,000	197,640
05	<b>Tê đều</b> EQUAL TEE 	5.1	Ø20 x 20	20,800	22,464
		5.2	Ø25 x 25	28,600	30,888
		5.3	Ø32 x 32	37,500	40,500
		5.4	Ø50 x 50	118,800	128,304
		5.5	Ø63 x 63	184,200	198,936
		5.6	Ø90 x 90	489,500	528,660
06	<b>Tê giảm</b> REDUCING TEE 	6.1	Ø25 x 20	28,600	30,888
		6.2	Ø32 x 20	38,700	41,796
		6.3	Ø32 x 25	38,700	41,796
		6.4	Ø50 x 25	118,800	128,304
		6.5	Ø50 x 32	127,200	137,376
		6.6	Ø63 x 32	171,100	184,788
		6.7	Ø63 x 50	171,100	184,788
		6.8	Ø90 x 63	603,600	651,888

Trang 1/5

**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI BÌNH DƯƠNG**Lô C-1-CN Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2,  
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI TP. HCM**Số 1158 Tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,  
Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh



STT	Tên sản phẩm	TT Hạng mục	Qui cách (mm)	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá có thuế VAT (VNĐ/cái)
07	 Co 90° EQUAL BEND	7.1	Ø20 x 20	16,400	17,712
		7.2	Ø25 x 25	20,800	22,464
		7.3	Ø32 x 32	26,800	28,944
		7.4	Ø50 x 50	83,200	89,856
		7.5	Ø63 x 63	122,400	132,192
		7.6	Ø90 x 90	325,600	351,648
08	 Co răng trong FEMALE BEND	8.1	Ø20 x 1/2"	11,900	12,852
		8.2	Ø20 x 3/4"	11,900	12,852
		8.3	Ø25 x 1/2"	14,900	16,092
		8.4	Ø25 x 3/4"	14,900	16,092
		8.5	Ø25 x 1"	14,900	16,092
		8.6	Ø32 x 3/4"	22,400	24,192
		8.7	Ø32 x 1"	22,400	24,192
		8.8	Ø50 x 1 1/2"	70,100	75,708
		8.9	Ø63 x 2"	110,500	119,340
		8.10	Ø90 x 3"	325,600	351,648
09	 Co răng ngoài MALE BEND	9.1	Ø20 x 1/2"	11,900	12,852
		9.2	Ø20 x 3/4"	11,900	12,852
		9.3	Ø25 x 1/2"	14,900	16,092
		9.4	Ø25 x 3/4"	14,900	16,092
		9.5	Ø25 x 1"	14,900	16,092
		9.6	Ø32 x 3/4"	22,400	24,192
		9.7	Ø32 x 1"	22,400	24,192
		9.8	Ø50 x 1 1/2"	70,100	75,708
		9.9	Ø63 x 2"	110,500	119,340
		9.10	Ø90 x 3"	326,700	352,836

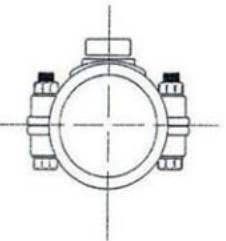
ST T	Tên sản phẩm	TT Hạng mục	Qui cách (mm)	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá có thuế VAT (VNĐ/cái)
10	 Tê răng trong FEMALE TEE	10.1	Ø20 x 1/2"	17,900	19,332
		10.2	Ø20 x 3/4"	17,900	19,332
		10.3	Ø25 x 1/2"	23,800	25,704
		10.4	Ø25 x 3/4"	23,800	25,704
		10.5	Ø32 x 3/4"	34,300	37,044
		10.6	Ø32 x 1"	34,300	37,044
		10.7	Ø50 x 1 1/2"	97,500	105,300
		10.8	Ø63 x 2"	159,200	171,936
		10.9	Ø90 x 3"	447,900	483,732
11	 Nút bít END CAP	11.1	Ø20	9,000	9,720
		11.2	Ø25	10,500	11,340
		11.3	Ø32	14,900	16,092
		11.4	Ø50	44,600	48,168
		11.5	Ø63	59,400	64,152
		11.6	Ø90	183,000	197,640
12	 Tê răng ngoài MALE TEE	12.1	Ø20 x 1/2"	17,900	19,332
		12.2	Ø20 x 3/4"	17,900	19,332
		12.3	Ø25 x 1/2"	23,800	25,704
		12.4	Ø25 x 3/4"	23,800	25,704
		12.5	Ø25 x 1"	23,800	25,704
		12.6	Ø32 x 3/4"	34,500	37,260
		12.7	Ø32 x 1"	34,500	37,260
		12.8	Ø50 x 1"	112,900	121,932
		12.9	Ø50 x 1 1/2"	112,900	121,932
		12.10	Ø63 x 1"	184,200	198,936
		12.11	Ø63 x 2"	159,200	171,936
		12.12	Ø90 x 2"	447,900	483,732
		12.13	Ø90 x 3"	447,900	483,732

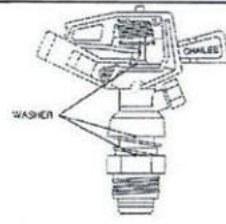
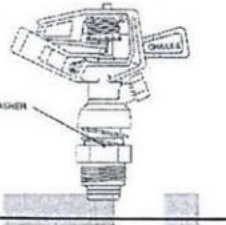
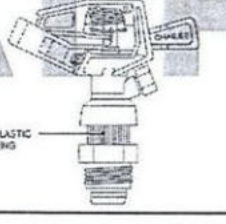
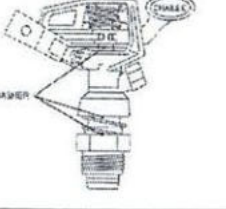
Áp dụng ngày 01/02/2022

trang 2/5

**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI BÌNH DƯƠNG**Lô C-1-CN Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2,  
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI TP. HCM**Số 1158 Tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,  
Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh



STT	Hình sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá cơ thuế VAT (VNĐ/cái)	
13		13.1	Ø32 x 3/4"	29,700	32,076
		13.2	Ø32 x 1"	29,700	32,076
		13.3	Ø50 x 3/4"	40,400	43,632
		13.4	Ø50 x 1"	40,400	43,632
		13.5	Ø63 x 3/4"	49,900	53,892
		13.6	Ø63 x 1"	49,900	53,892
		13.7	Ø90 x 3/4"	95,100	102,708
		13.8	Ø90 x 1"	95,100	102,708
		13.9	Ø90 x 1 1/2"	95,100	102,708
		13.10	Ø90 x 2"	95,100	102,708
		13.11	Ø110 x 3/4"	116,500	125,820
		13.12	Ø110 x 1"	116,500	125,820
		13.13	Ø110 x 1 1/2"	116,500	125,820
		13.14	Ø110 x 2"	116,500	125,820
		13.15	Ø125 x 3/4"	164,000	177,120
		13.16	Ø125 x 1"	164,000	177,120
		13.17	Ø125 x 2"	164,000	177,120
		13.18	Ø160 x 3/4"	204,400	220,752
		13.19	Ø160 x 1"	204,400	220,752
		13.20	Ø160 x 1 1/2"	204,400	220,752
		13.21	Ø160 x 2"	204,400	220,752
		13.22	Ø180 x 1"	326,700	352,836
		13.23	Ø180 x 1 1/2"	326,700	352,836
		13.24	Ø180 x 2"	326,700	352,836
		13.25	Ø225 x 3/4"	490,700	529,956
		13.26	Ø225 x 1"	490,700	529,956
		13.27	Ø225 x 1 1/2"	490,700	529,956
		13.28	Ø225 x 2"	490,700	529,956
		13.29	Ø225 x 3"	490,700	529,956

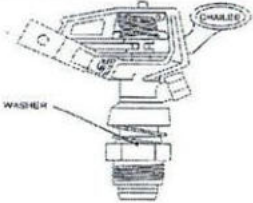
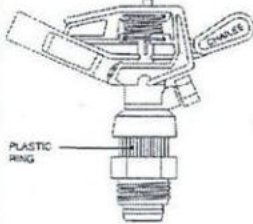
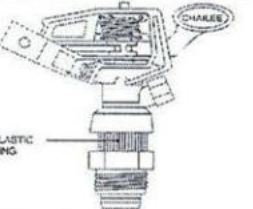

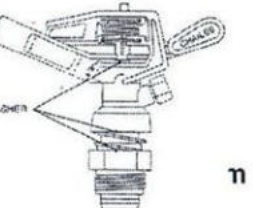
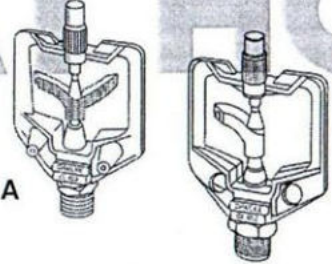
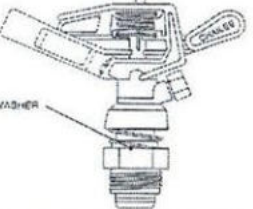

STT	Hình sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá cơ thuế VAT (VNĐ/cái)
14		<b>1). VÒI PHUN ACETAL-XANH/VÀNG</b> <b>(A) CL 323-1 ACETAL SPRINKLER</b> Lò so kép + 3 long đến bằng đồng Trọng lượng : 75 gr Vật liệu nhựa Công nghiệp tổng hợp	29,700	32,076
15		<b>2). VÒI PHUN ABS MÀU XANH/VÀNG</b> <b>(B) CL 323-1 ABS SPRINKLER</b> Lò so kép + 1 long đến bằng đồng Trọng lượng : 62 gr Vật liệu nhựa ABS	22,400	24,192
16		<b>3). VÒI PHUN ABS MÀU XANH/VÀNG</b> <b>(C) CL 323-1 ABS SPRINKLER</b> Lò so đơn Trọng lượng : 60 gr Vật liệu nhựa ABS	17,900	19,332
17		<b>4). VÒI PHUN ACETAL - MÀU XANH/VÀNG</b> <b>(A) CL 323-2 ACETAL SPRINKLER</b> Lò so kép + 3 long đến bằng đồng Trọng lượng : 75 gr Vật liệu nhựa Công nghiệp tổng hợp	29,700	32,076

Đạt Hòa -Áp dụng ngày 01/02/2022

Bảng giá phụ kiện HDPE xuất xứ MALAYSIA hiệu CLWATERWA Trang 3/5

**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI BÌNH DƯƠNG**Lô C-1-CN Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2,  
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI TP. HCM**Số 1158 Tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,  
Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh



STT	Hình sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá cơ thuế VAT (VNĐ/cái)	STT	Hình sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá cơ thuế VAT (VNĐ/cái)
18		5). VÒI PHUN ABS MÀU XANH/VÀNG (B) CL 323-2 ABS SPRINKLER Lò so kép + 1 long đến bằng đồng Trọng lượng : 62 gr Vật liệu nhựa ABS	22,400	24,192	22		9). VÒI PHUN ABS MÀU XANH/VÀNG (C) CL 323-3 ABS SPRINKLER Lò so đơn Trọng lượng : 62 gr Vật liệu nhựa ABS	17,900	19,332
19		6). VÒI PHUN ABS MÀU XANH/VÀNG (C) CL 323-2 ABS SPRINKLER Lò so đơn Trọng lượng : 60 gr Vật liệu nhựa ABS	17,900	19,332	22		10) VÒI PHUN CÁNH BƯỚM CL 652 CÁNH BƯỚM BẰNG ĐỒNG CL 652 BRASS SHEET BUTTERFLY	35,700	38,556
20		7). VÒI PHUN ACETAL - MÀU XANH/VÀNG (A) CL 323-3 ACETAL SPRINKLER Lò so kép + 3 long đến bằng đồng Trọng lượng : 80 gr	29,700	32,076	23		11) A. VÒI PHUN CÁNH BƯỚM KÉP CL 652 (DLB) A. CL 652 (DLB) SPRINKLER (DOUBLE LEAF BUTTERFLY)	22,400	24,192
21		8). VÒI PHUN ABS MÀU XANH/VÀNG (B) CL 323-3 ABS SPRINKLER Lò so kép + 1 long đến bằng đồng Trọng lượng : 65 gr Vật liệu nhựa ABS	22,400	24,192	24		11) B. VÒI PHUN CÁNH BƯỚM ĐƠN CL 652 (SLB 328) B. CL 652 (SLB 328) SPRINKLER (DOUBLE LEAF BUTTERFLY)	17,900	19,332
							12) VÒI PHUN DẠNG CHÓP NÓN CL 652 CL 652 UMBRELLA SPRINKLER	25,600	27,648

ĐẠT HOA - Áp dụng ngày 01/02/2022

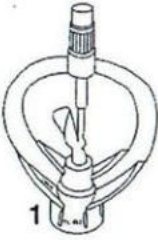




Bảng giá phụ kiện HDPE xuất xứ MALAYSIA hiệu CLWATERWA Trang 4/5

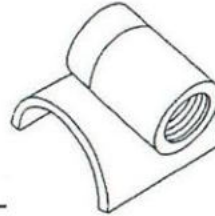
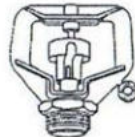

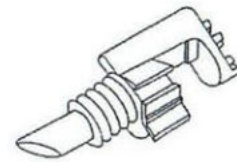


**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HOÀ TẠI BÌNH DƯƠNG**  
 Lô C-1-CN Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2,  
 Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HOÀ TẠI TP. HCM**  
 Số 1158 Tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,  
 Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh



STT	Hình sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá bán	Giá có
25	 1	13) VÒI PHUN CÁNH BƯỚM 852 (1). CÁNH BƯỚM BẰNG ĐỒNG 1. 852 BRASS SHEET BUTTERFLY SPRINKLER	29,700	32,076
		14) VÒI PHUN CÁNH BƯỚM 852 (2). CÁNH BƯỚM BẰNG INOX 2. 852 STAINLESS STEEL SHEET BUTTERFLY SPRINKLER	17,900	19,332
26	 1	15) VÒI PHUN CHỮ G (1) G. SPRINGKLER (333A)	7,600	8,208
		(2) G. SPRAY (CL33)	6,000	6,480
		(3) G. SPRAY (CL33)	6,000	6,480
27	 BLUE 8	16) MŨI PHUN KIỂU HÀ LAN HOLLAND SPRINKLER NOZZLE SIZE BLUE 8 : Màu xanh 8 mm RED 6 : Màu đỏ 6 mm	6,000	6,480
		 RED 6	6,000	6,480
28		17) MŨI PHUN M - 2 M - 2 NOZZLE SPRINKLER	10,500	11,340

STT	Hình sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá bán chưa VAT (VNĐ/cái)	Giá có thuế VAT (VNĐ/cái)
29		18) TẮM ỐP M - 2 M - 2 SADDLES PRINGKLER	3,100	3,348
30		19) VÒI PHUN SIÊU NHỎ CHALLENGER (MICRO SPRINKLERS) A. SINGLE LEAVE	10,500	11,340
31		20) VÒI PHUN SIÊU NHỎ CHALLENGER (MICRO SPRINKLERS) B. DOUPLE LEAVE	15,000	16,200
33		23) MŨI PHUN QUAY 360° SPRAY JET (360°)	1,500	1,620

Bảng giá áp dụng ngày 01/02/2022 đến khi ban hành bảng giá mới

Bảng giá phụ kiện HDPE xuất xứ MALAYSIA hiệu CLWATERWARE

Trang 5/5



**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI BÌNH DƯƠNG**

Lô C-1-CN Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2,  
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

**CHI NHÁNH NHỰA ĐẠT HÒA TẠI TP. HCM**

Số 1158 Tỉnh Lộ 10, Phường Tân Tạo,  
Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh